



AB BANK

**KẾ HOẠCH KINH DOANH
NĂM 2020**

MỤC LỤC

I. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH	10
II. KẾ HOẠCH KINH DOANH	12
1. Khách hàng cá nhân	12
2. Khách hàng doanh nghiệp lớn	13
3. Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ	14
4. Hoạt động đầu tư và liên ngân hàng	15
5. Kế hoạch xử lý nợ	15
III. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH – TỔ CHỨC	15
PHỤ LỤC 01: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN 2020	18

KẾ HOẠCH TÓM TẮT

1. Dự báo kinh tế thế giới năm 2020

Kinh tế thế giới 4 tháng đầu năm 2020 gặp nhiều khó khăn, tăng trưởng của những nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, châu Âu đều suy giảm; dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát mạnh trên toàn cầu đã tác động tiêu cực đến kinh tế của các quốc gia trên thế giới.

Các quốc gia trên thế giới đã sử dụng hàng loạt các giải pháp từ chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa đến các gói hỗ trợ để giúp nền kinh tế, doanh nghiệp và người dân đối phó với đại dịch Covid-19. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) công bố gói biện pháp tài chính trị giá 2.300 tỷ USD và gói hỗ trợ bao gồm, giảm 1% điểm lãi suất, xuống mức 0-0,25%, thấp nhất kể từ năm 2015.

Ở Châu Âu, các Bộ trưởng Tài chính các nước thành viên EU đã thống nhất sẽ huy động gói cứu trợ kinh tế khổng lồ 500 tỷ euro nhằm trợ giúp các nền kinh tế thành viên bị đại dịch COVID-19 tàn phá.

IMF dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu sẽ giảm 3% nếu đại dịch Covid-19 kéo dài hết quý III, giảm so với dự báo hồi tháng 1 là tăng trưởng 3,3% trong năm 2020. IMF nâng dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2021 từ 3,4% hồi tháng 1 lên 5,8%. Châu Á sẽ đi đầu trong xu hướng này với tăng trưởng GDP năm 2021 của Việt Nam là 7%, Trung Quốc là 9,2%, của ASEAN là 7,8%.

2. Dự báo kinh tế Việt Nam năm 2020

Triển vọng kinh tế Việt Nam được IMF dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2020 giảm xuống còn 2,7%, nhưng dự kiến sẽ phục hồi lên 7% vào năm 2021. Kinh tế Việt Nam tháng 4 cho thấy nhiều chỉ số giảm và thiếu ổn định:

- CPI tháng 4 tăng 4,90% so với cùng kỳ;
- Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) giảm 10,5% so với cùng kỳ năm trước;

- Vốn FDI đăng ký 4 tháng đầu năm xấp xỉ 12,3 tỷ USD giảm 15,5% so với cùng kỳ năm trước;
 - Cán cân thương mại hàng hóa 4 tháng đầu năm 2020 ước tính xuất siêu 3 tỷ USD, trong đó, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa là 79,89 tỷ USD, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 82,94 tỉ USD;
 - Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước (NSNN) tháng 4 ước đạt 89 nghìn tỷ đồng, lũy kế thu 4 tháng đạt 491,38 nghìn tỷ đồng, bằng 32,5% dự toán, giảm 5,9% so với cùng kỳ năm 2019;
 - Tổng chi ngân sách nhà nước (NSNN) tháng 4 ước đạt 128,1 nghìn tỷ đồng, lũy kế chi 4 tháng đạt 472,1 nghìn tỷ đồng, bằng 27% dự toán, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm 2019;
 - Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 83,7 nghìn tỷ đồng, bằng 18,1% kế hoạch năm (cùng kỳ năm 2019 bằng 19,3%);
 - Có 37,6 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 13,2% so với cùng kỳ năm trước, trong khi đó, tổng số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, giải thể và chờ giải thể là 41,8 nghìn doanh nghiệp, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là có 3.810 doanh nghiệp, tăng 11,3% so với tháng trước và tăng 40,4% so với cùng kỳ năm 2019.
- Các giải pháp hỗ trợ của Chính phủ để ứng phó với dịch bệnh:
- Chỉ thị số 11/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ vào đầu tháng 03/2020 cho thấy sự hợp tác giữa tổ chức tín dụng và Chính phủ trong nỗ lực giảm thiểu các tác động tiêu cực từ dịch bệnh. Cụ thể, 10 NHTM đã cam kết đưa ra một gói tín dụng trị giá 250.000 tỷ đồng với điều kiện ưu đãi đối với các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.
 - NHNN ban hành Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại

thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid – 19.

- Tại phiên họp Chính phủ thường kỳ trực tuyến tháng 3/2020, Thống đốc NHNN cho biết, trong ngày 31/3, NHNN đã họp với 20 tổ chức tín dụng (chiếm khoảng 75% tổng dư nợ cho vay nền kinh tế), tất cả các tổ chức này đều đồng thuận rất cao là giảm tối thiểu 2% lãi suất cho vay so với thời điểm trước khi có dịch.

3. Tác động đến Kết quả kinh doanh của các Ngân hàng thương mại:

Hệ thống ngân hàng chịu tác động gián tiếp chủ yếu do sự thu hẹp các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, khách hàng và bản thân ngân hàng, nhất là làm giảm cầu tín dụng giảm, tiềm ẩn nợ xấu tăng và giảm giao dịch trực tiếp tại quầy giao dịch, cụ thể:

- Theo đánh giá của Moody's, triển vọng của 5 Ngân hàng lớn nhất Việt Nam chuyển từ Tích cực sang Ổn định, các ngân hàng từ Ổn định chuyển sang Tiêu cực;
- Theo đánh giá của các chuyên gia, dịch Covid-19 làm kinh tế toàn cầu suy thoái, Ngân hàng là 1 trong 15 ngành bị ảnh hưởng lớn nhất;
- Do dịch bệnh dẫn đến sản xuất đình đốn, các doanh nghiệp thu hẹp sản xuất, khó khăn trong trả nợ và nhu cầu vay vốn giảm. Ước tính dư nợ bị ảnh hưởng bởi Covid-19 khoảng 2 triệu tỷ VND, chiếm 25% dư nợ toàn hệ thống;
- Các Ngân hàng muốn cho vay phải giảm lãi suất cho vay (không hạ chuẩn cho vay) để tìm khách hàng tốt trong khi lãi suất huy động vốn không giảm vì phải đảm bảo thanh khoản. Do đó, lợi nhuận năm 2020 có nguy cơ sẽ giảm;
- Dự kiến doanh thu hệ thống Ngân hàng năm nay giảm từ 30 nghìn tỷ đồng đến 34 nghìn tỷ đồng. Lợi nhuận các Ngân hàng dự kiến giảm từ 10% đến 25%. Một số Ngân hàng Quốc doanh đã tuyên bố giảm Lợi nhuận kế hoạch năm 2020 (VCB giảm 2.200 tỷ đồng, SHB giảm 1.000 tỷ đồng);

- Nhiều Ngân hàng đã phải cắt giảm lương và các chi phí không cần thiết;
- Có khoảng 20.000 doanh nghiệp ngừng kinh doanh. Nợ xấu có nguy cơ tăng trở lại do ảnh hưởng dòng tiền về của các doanh nghiệp vay vốn. Hiện nay có 10 Ngân hàng công bố kết quả nợ xấu tăng trong quý 1, nhiều ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu vượt 3% và tiệm cận 4%. Đây là gánh nặng buộc nhiều Ngân hàng phải tăng trích lập dự phòng: VCB tăng 43%, Saigonbank tăng 51%, Kiên Long tăng 37 lần, TPBank tăng 19% so cuối năm 2019;
- Các chuyên gia dự báo, nếu dịch bệnh được kiểm soát trong quý 2 thì nợ xấu cuối năm 2020 toàn hệ thống sẽ ở mức 3,7% đến 4%.

4. Những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2020

- Tập trung tăng trưởng lợi nhuận hướng tới mục tiêu TOP 10 ROE các ngân hàng TMCP.
- Tập trung nguồn lực để tăng doanh thu từ hoạt động bán lẻ trong tổng thu nhập, phát triển lĩnh vực bán lẻ.
- Tăng tỷ trọng thu dịch vụ theo ngân hàng truyền thống như thẻ, bảo hiểm, bảo lãnh, chuyển tiền,..
- Kiện toàn cơ cấu tổ chức các Đơn vị kinh doanh để nâng cao năng lực bán hàng
- Xây dựng hệ thống trả lương theo năng suất lao động
- Ứng dụng Công nghệ thông tin để nâng cao năng lực bán hàng
- Tập trung hóa một số hoạt động ngân hàng nhằm nâng cao năng suất lao động
- Duy trì và nâng cao xếp hạng tín nhiệm của ABBANK

Bảng tóm tắt các mục tiêu tài chính 2020

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	KH 2020	TH 2019	So với thực hiện 2019	
			+/-	%
Tổng tài sản	110.918	102.487	8.431	108,2%
Dư nợ tín dụng	69.646	63.028	6.618	110,5%
- Cho vay khách hàng	64.496	56.956	7.540	113,2%
- TP TCKT	5.150	6.072	(922)	84,8%
Huy động	86.692	78.261	8.431	110,8%
- Tiền gửi khách hàng	81.052	74.786	6.266	108,4%
- Huy động tổ chức tài chính quốc tế	5.640	3.475	2.165	162,3%
Tổng thu nhập	4.259,4	3.618,3	641,1	117,7%
Chi phí hoạt động	2.064,2	1.895,3	168,9	108,9%
Lợi nhuận trước DPRRTD	2.195,2	1.723,0	472,2	127,4%
Tổng chi phí dự phòng RRTD	836,8	494,0	342,8	169,4%
Lợi nhuận trước thuế	1.358,4	1.229,0	129,4	110,5%

Bảng tóm tắt các chỉ tiêu tài chính quan trọng 2020

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2019	Đơn vị tính
Suất sinh lời trước thuế/ VCSH (ROaE)	16.1%	17.1%	%/năm
Suất sinh lời trước thuế/ Tổng TS (ROaA)	1.3%	1.4%	%/năm
LNTT/ Doanh thu	31.9%	33.9%	%
Chi phí hoạt động/ Thu nhập ròng (CIR)	50%	52.0%	%
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) (Theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN)	>= 8%	10.5%	%
Tổng TS/ Vốn CSH (A/E)	12.1	13.2	Lần
Nợ phải trả/ Vốn CSH (D/E)	11.1	12.2	Lần
Vốn CSH/ Tổng TS (E/A)	8.2%	7.6%	%
Nợ phải trả/ Tổng tài sản (D/A)	91.8%	92.4%	%
Cho vay 2TT/ Tổng TS (LAR)	58.1%	55.6%	%
Cho vay 2TT/ Huy động TT1(LDR)	79.6%	76.2%	%
Lợi nhuận trước thuế/ Nhân viên toàn hàng	342	310	Trđồng/Năm

Chi tiết kế hoạch hoạt động của ABBANK năm 2020 được cụ thể tại nội dung chi tiết đính kèm. Kính trình Hội đồng Quản trị xem xét và phê duyệt.

Trân trọng.

Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK)

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ HẢI

KẾ HOẠCH CHI TIẾT

I. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh toàn ngân hàng năm 2020

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu		KH 2020	TH 2019	Vs TH 2019	
				+/-	%
Tổng tài sản		110.918	102.487	8.431	108,2%
Cho vay	Dư nợ tín dụng	69.646	63.028	6.618	110,5%
	KHCN	29.883	25.122	4.762	119,0%
	SMEs	14.632	12.425	2.207	117,8%
	KHDN	24.980	25.331	(351)	98,6%
	<i>Cho vay KH</i>	<i>19.980</i>	<i>19.410</i>	<i>571</i>	<i>102,9%</i>
	<i>TP TCKT</i>	<i>5.000</i>	<i>5.922</i>	<i>(922)</i>	<i>84,4%</i>
	TP DATC	150	150	-	100,0%
Tổng huy động		86.692	78.261	8.431	110,8%
Huy động	KHCN	38.739	35.554	3.185	109,0%
	SMEs	4.350	3.735	615	116,5%
	KHDN	43.603	38.973	4.630	111,9%
	<i>Trong đó:IFC + ADB</i>	<i>5.640</i>	<i>3.475</i>	<i>2.165</i>	<i>162,3%</i>
Đầu tư	Trái phiếu CP	20.217	7.769	12.449	260,2%
	Trái phiếu TCTD	2.700	1.937	763	139,4%
	Trái phiếu TCKT (Bao gồm TP VAMC)	5.909	7.161	(1.252)	82,5%

Chỉ tiêu		KH 2020	TH 2019	Vs TH 2019	
				+/-	%
	Chứng khoán vốn	-	2	(2)	0,0%
	Đầu tư dài hạn góp vốn mua CP	529	529	-	100,0%
	Tổng cộng	29.355	17.397	11.958	168,7%
KQ HDKD	Thu nhập thuần từ lãi	2.789,0	2.437,3	351,6	114,4%
	Thu nhập thuần từ dịch vụ	427,2	198,4	228,8	215,3%
	Thu nhập khác	1.043,2	982,5	60,7	106,2%
	Tổng thu nhập	4.259,4	3.618,3	641,1	117,7%
	Chi phí hoạt động	2.064,2	1.895,3	168,9	108,9%
	Lợi nhuận HĐ trước dự phòng	2.195,2	1.723,0	472,2	127,4%
	Tổng chi phí dự phòng RRTD	836,8	494,0	342,8	169,4%
	LNTT	1.358,4	1.229,0	129,4	110,5%

Phân tích lợi nhuận kế hoạch năm 2020

Tổng tài sản kế hoạch năm 2020 được đặt mục tiêu tăng 8.431 tỷ đồng so với thực hiện năm 2019 (tương đương tăng 8%).

Dưới tác động của dịch Covid-19 đến tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam nói chung, tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp và hệ thống ngân hàng nói riêng, thực hiện chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Thông tư 01/2020/TT-NHNN và Chỉ thị 02/CT-NHNN, ABBANK đã và đang triển khai đồng bộ các giải pháp vừa hỗ trợ khách hàng tháo gỡ khó khăn do ảnh hưởng của dịch

Covid-19 nhưng đồng thời vẫn đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh ngân hàng. Do đó, lợi nhuận trước thuế kế hoạch của ABBANK năm 2020 là 1.358,4 tỷ đồng, tăng 129,4 tỷ (tương đương tăng 11%) so với thực hiện năm 2019. Trong đó:

- Tổng thu nhập tăng 641,1 tỷ đồng (tương đương tăng 18%), bao gồm:
 - Thu nhập thuần từ lãi tăng 351,6 tỷ đồng (tương đương tăng 14%)
 - Thu nhập từ hoạt động dịch vụ tăng 228,8 tỷ đồng (tương đương tăng 115%)
 - Thu nhập khác tăng 60,7 tỷ đồng (tương đương 6%)
- Chi phí hoạt động kế hoạch tăng 168,9 tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2019
- Tổng chi dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng trái phiếu VAMC kế hoạch năm 2020 khoảng 836,8 tỷ đồng, cao hơn so với năm 2019 khoảng 342,8 tỷ đồng.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH

1. Khách hàng cá nhân

1.1 Định hướng và các chỉ tiêu kinh doanh năm 2020

Chỉ tiêu	KH 2020	TH 2019	So với thực hiện 2019	
			(+/-)	%
Huy động (đvt: tỷ đồng)	38.739	35.554	3.185	109%
Dư nợ (đvt: tỷ đồng)	29.883	25.122	4.762	119%
Số lượng khách hàng (đvt: người)	1.070.085	970.085	100.000	110%
Thẻ (đvt: cái)	112.073	79.295	32.778	141%
Số lượng ATM (đvt: cái)	233	217	16	107%
Số lượng POS tăng mới (đvt: cái)	440	580	(140)	76%

1.2 Các hoạt động/ giải pháp dự kiến triển khai 2020

Với KHCN, các giải pháp kinh doanh có trọng tâm xoay quanh nhu cầu của 3 phân khúc khách hàng để xây dựng các yêu cầu sản phẩm:

- Phân khúc Khách hàng Phổ thông
- Phân khúc Khách hàng Trung bình Khá
- Phân khúc Khách hàng Khá – Giàu

Giải pháp của ABBANK tập trung vào việc:

- Tăng cường thu dịch vụ từ các sản phẩm thẻ, chuyên tiền, bảo hiểm...
- Tối ưu hóa các quy trình bằng công nghệ (Hệ thống LOS, chấm điểm tự động, Digital Banking...)
- Gắn hệ thống lương thưởng với hiệu quả kinh doanh của từng cán bộ bán hàng.

2. Khách hàng doanh nghiệp lớn

2.1 Định hướng và các chỉ tiêu kinh doanh năm 2020

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	KH 2020	TH 2019	So với thực hiện 2019	
			(+/-)	%
Huy động	43.603	38.973	4.630	112%
Dư nợ	24.980	25.331	(351)	99%
<i>Cho vay khách hàng</i>	<i>19.980</i>	<i>19.410</i>	<i>571</i>	<i>3%</i>
<i>TP TCKT</i>	<i>5.000</i>	<i>5.922</i>	<i>(922)</i>	<i>-16%</i>
Số lượng khách hàng	3.190	3.132	58	102%
Doanh số thu dịch vụ (gồm bảo lãnh)	159	118	42	135%

2.2 Các hoạt động/ giải pháp dự kiến triển khai 2020

- Khai thác sâu các nhóm ngành, khách hàng mục tiêu (ví dụ như EVN, các nhà thầu Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, ngành thực phẩm, đồ uống, ngành logistics, ngành dược phẩm, y tế,..), định hướng thêm các ngành theo xu hướng phát triển hàng năm, top 10 và 20 ngành.
- Tiếp tục phát triển các sản phẩm ngân hàng truyền thống cùng với các sản phẩm cấu trúc (cổ phiếu, trái phiếu) và sản phẩm điện tử.
- Triển khai các chuỗi bán hàng từ KHDN.

3. Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ

3.1 Định hướng 2020 và các chỉ tiêu kinh doanh năm 2020

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	KH 2020	TH 2019	Vs TH 2019	
			(+/-)	%
Huy động	4.350	3.735	615	116%
Dư nợ	14.632	12.425	2.207	118%
Số lượng KH	30.190	27.400	2.790	110%
Doanh số thu dịch vụ (gồm bảo lãnh)	162	97	65	167%
Doanh số TTQT (Tr.Usd)	450	389	61	116%

3.2 Các Hoạt động/ giải pháp dự kiến triển khai 2020

- Phân tách rõ ràng 2 phân khúc khách hàng Micro SME và SME.
- Phát triển khách hàng từ chuỗi của KHDN và tại địa bàn trú đóng của các ĐVKD.

- Xây dựng hình ảnh khách hàng SME tại địa phương theo các đặc điểm đặc thù của doanh nghiệp, nhằm đưa ra các giải pháp phù hợp với yêu cầu của khách hàng.
- Xây dựng các sản phẩm phù hợp với các yêu cầu liên quan tới kiểm soát rủi ro, tối ưu hóa quy trình và ứng dụng công nghệ thông tin để đảm bảo phục vụ khách hàng.
- Gắn hệ thống lương thưởng với hiệu quả kinh doanh của từng cán bộ bán hàng.

4. Hoạt động đầu tư và liên ngân hàng

- **Quản lý thanh khoản:** Đảm bảo an toàn thanh khoản cho Ngân hàng với tỷ lệ tài sản thanh khoản ở mức hợp lý. Đảm bảo tuân thủ theo tỷ lệ dự trữ thanh khoản, tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày VND, USD theo Thông tư 22/2019/TT-NHNN
- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh tiền tệ, kinh doanh trái phiếu chính phủ và giấy tờ có giá khác; Đa dạng hóa hình thức kinh doanh, mở rộng hoạt động kinh doanh thị trường 2.
- Thúc đẩy triển khai các dự án cho vay sử dụng vốn của World Bank như Cho vay Dự án tài chính Nông thôn II (RDFII), Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững (VNSAT)

5. Kế hoạch xử lý nợ

- Toàn hàng tập trung xử lý, thu hồi tối đa nợ xấu/nợ có vấn đề thông qua thu hồi tiền mặt, thu tài sản, thu khác...
- Kiểm soát tỷ lệ nợ xấu dưới 3% theo quy định của NHNN.

III. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH – TỔ CHỨC

1. Quản lý rủi ro

- Tuân thủ thông tư 13/2018/TT-NHNN và tiến đến chuẩn Basel II:

- Tập trung triển khai dự án Đánh giá mức đủ vốn nội bộ (ICAAP) đã được phê duyệt.
- Rà soát các chính sách về rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng...
- Xây dựng hệ thống quản lý rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng (ESMS), và bộ công cụ đánh giá rủi ro môi trường xã hội theo ngành sản xuất và kinh doanh

2. Thẩm định và Vận hành

- Dự án LOS: Golive mảng khách hàng cá nhân và thực hiện phát triển bổ sung các chức năng hỗ trợ cho hệ thống trong quá trình vận hành; tiếp tục nghiên cứu triển khai hệ thống cho mảng SME.
- Triển khai tập trung hóa thẩm định và phê duyệt tín dụng.
- Phối hợp với Khối Công nghệ ngân hàng phát triển các tiện ích trên T24, các ứng dụng mới, hệ thống vận hành,... đảm bảo
 - Vận hành tín dụng nhanh và an toàn.
 - Nâng cấp, đa dạng kênh thanh toán liên ngân hàng
 - Nâng cấp và đảm bảo an toàn cho giao dịch thanh toán quốc tế
 - Giảm thiểu rủi ro giao dịch tại quầy, rủi ro quản lý kho quỹ
 - Liên tục cập nhật công tác Phòng chống rửa tiền

3. Công nghệ ngân hàng

- Tạo sự khác biệt bằng các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng trên nền tảng kinh doanh Số.
- Ứng dụng CNTT thông minh trong mọi hoạt động quản trị và điều hành của Ngân hàng.
- Đảm bảo hạ tầng CNTT an toàn và linh hoạt đáp ứng hoạt động kinh doanh liên tục.
- Thực hiện các dự án hỗ trợ chiến lược kinh doanh và tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế:
 - Công nghệ hóa các quy trình nghiệp vụ trọng yếu (tín dụng, quản lý kho quỹ...)
 - Đầu tư nâng cấp ứng dụng lõi core banking, nâng cấp hạ tầng và bảo mật công nghệ thông tin;
 - Triển khai giải pháp và đáp ứng các yêu cầu của NHNN và các tiêu chuẩn quốc tế như PCI DSS và ISO27001;
 - Diễn tập dự phòng thảm họa (DRP) 2 lần/năm với các hệ thống trọng điểm.

4. Phát triển mạng lưới

- Kế hoạch phát triển mạng lưới năm 2020: Năm 2020, ABBANK trình Ngân hàng Nhà nước phê duyệt mở mới 8 điểm giao dịch (04 chi nhánh và 04 phòng giao dịch).

5. Quản trị nguồn nhân lực

- Nâng cao năng suất lao động 10%.
- Dự án cải tiến chế độ tính lương theo năng suất lao động.
- Triển khai Nội quy lao động mới; Ban hành quy trình, quy định xử lý kỷ luật; Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp.
- Hoàn thiện và triển khai chương trình Giám đốc kế cận, Giám đốc lưu động.
- Tăng cường việc gửi cán bộ nhân viên tham gia các chương trình học, tập huấn ở nước ngoài (gồm cả châu Âu và châu Á).

PHỤ LỤC 01: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN 2020

Chỉ tiêu	KH 2020	TH 2019	Vs TH 2019	
			+/-	%
Tổng tài sản	110.918	102.487	8.431	108,2%
Tiền mặt tại quỹ	1.190	757	433	157,2%
Tiền gửi tại NHNN	1.589	6.803	(5.214)	23,4%
Tiền gửi và cho vay tại TCTD khác	10.356	17.776	(7.421)	58,3%
Chứng khoán đầu tư	28.522	16.463	12.059	173,2%
Cho vay	63.497	56.222	7.276	112,9%
Cho vay khách hàng	64.496	56.956	7.540	113,2%
Dự phòng	(998)	(734)	(264)	136,0%
Đầu tư dài hạn, góp vốn cổ phần	529	529	-	100,0%
Tài sản cố định	1.440	950	489	151,5%
Công cụ TC phái sinh và TSTC khác	-	50	(50)	0,0%
Tài sản có khác	3.796	2.937	859	129,2%
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	110.918	102.487	8.431	108,2%
Các khoản nợ CP & NHNN	-	-	-	-
Tiền gửi và vay từ các TCTD khác	15.421	16.735	(1.314)	92,1%
Vốn tài trợ từ TCTD khác	3.055	1.162	1.893	262,9%
Công cụ tài chính phái sinh	-	-	-	-
Tiền gửi của khách hàng	81.052	69.595	11.457	116,5%
Phát hành giấy tờ có giá	-	5.191	(5.191)	0,0%
Phải trả khác	2.250	2.036	214	110,5%
Vốn chủ sở hữu	9.140	7.768	1.372	117,7%